

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12- 2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Đào Trung Kiên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1993

Hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ cư trú hiện nay: Tổ 4, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt)

Bị đơn: anh Lê Thành L, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kiều M trình bày:

- Chị M và anh Lê Thành L kết hôn ngày 20/01/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Kể từ tháng 3 năm 2017, mâu thuẫn càng tăng nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M xác định tình

cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thùy D - sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu D đang ở với anh L. Nếu ly hôn, chị M đề nghị để anh L nuôi cháu D, chị M sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2021 (BL23), anh Lê Thành L trình bày:

Anh L và chị M kết hôn với nhau ngày 20/01/2014, sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ anh L. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do chị M có quan hệ ngoại tình với người khác. Sau đó chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, không quan tâm tới gia đình và con cái. Nay chị M xin ly hôn anh cũng đồng ý được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thùy D. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng gia đình anh. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cháu D và không đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 55, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- + Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều M và anh Lê Thành L.

- + Về con chung: giao cháu Lê Thùy D cho anh Lê Thành L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L số tiền 1.500.000đ/tháng.

- + Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

- + Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa Nguyễn Thị Kiều M và anh Lê Thành L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị M và anh L đều có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã có bản trình bày quan điểm về nội dung vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, anh L vắng mặt (đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và anh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (anh L) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Kiều M và anh Lê Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 20/01/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M và anh L có những bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin ở nhau. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã Đồng Xuân cho biết quá trình anh chị M và anh L xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Chị M và anh L đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, khi Tòa án báo gọi chị M và anh L đến Tòa án để thực hiện thủ tục hòa giải thì anh L vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thực hiện được thủ tục hòa giải để các bên thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị M và anh L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị M và anh L có 01 con chung là cháu Lê Thùy D - sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng gia đình anh L. Chị M và anh L đều có quan điểm để anh L trực tiếp nuôi cháu D. Cháu D cũng có quan điểm xin được ở với bố và ông bà nội. Vì vậy, xét giao cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D là phù hợp.

Chị M có quan điểm xin được cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do anh L không yêu cầu chị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy không buộc chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: các bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị M nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều M và anh Lê Thành L.

[2]. Về con chung: Giao anh Lê Thành L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thùy D, sinh ngày 10/7/2014 kể từ tháng 30/12/2021 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

Chị Nguyễn Thị Kiều M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều M tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003250 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kiều M 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Kiều M có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Thành Linh vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Đ
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thanh Loan